

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 30-01-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác làm ăn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Thái Trung Nghĩa
Ông Triệu Khánh Long
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hợp tác làm ăn và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn:*** Bà Tào Thị Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Bà Trương Thị P, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 (BL01) cũng như trong quá trình giải quyết án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tào Thị Đ trình bày: Bà Trương Thị P là chị em cô cậu với bà Tào Thị Đ, gia đình bà P có đất nuôi tôm nhưng không có vốn nên có thỏa thuận hợp tác với bà Đ để nuôi tôm, bà Đ ra tiền, bà P thì có đất. Sau khi thu hoạch, trừ chi phí xong, lợi nhuận chia đôi. Bà Đ và bà P hợp tác nuôi tôm từ năm 2019 việc hợp tác nuôi tôm chỉ bằng lời nói không có làm hợp đồng. Sau 01 năm hợp tác (năm 2019) cuối vụ tôm bị chết, bị lỗ 27.500.000 đồng, mỗi người chịu một nửa, bà P phải

trả lại cho bà Đ số tiền 13.750.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bà Đ đã nhiều lần nhắc đòi nợ nhưng bà P không trả, cuối cùng còn gây sự với bà Đ. Trước khi hợp tác nuôi tôm bà Trương Thị P có đến mượn bà Đ nhiều lần tiền và vàng, quy ra tiền tổng cộng là 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) số nợ này bà Đ cũng nhiều lần nhắc đòi nhưng bà P vẫn không trả và cũng trong năm 2019, bà P nhờ bà Đ đi vay giúp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 10%/ tháng (Mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng tiền lãi) Sau khi vay được tiền, bà P chỉ gửi đóng được 1 tháng tiền lãi, tính đến nay còn nợ lại tiền vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và nợ lãi là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng), tổng cộng là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Bà P thiếu nợ lãi nhiều tháng, bà Đ là người đứng ra vay giúp nên bị siết đòi nợ, bà Đ phải bán đất trả nợ vay và nợ lãi cho bà P, bà P không có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ. Như vậy tính đến nay bà P còn nợ tổng cộng: 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó: Nợ hợp tác làm ăn 13.750.000 đồng; Nợ mượn 10.750.000 đồng; Nợ vay 24.000.000 đồng. Do bà Đ không có tài liệu chứng minh số tiền mượn và tiền vay nên xin thay đổi lại yêu cầu khởi kiện.

Nay tại phiên tòa bà Tào Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trương Thị P phải trả cho bà Đ số tiền hợp tác làm ăn nuôi tôm bị lỗ là 10.170.000 đồng.

Lời trình bày của bị đơn bà Trương Thị P tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2022 (BL28): Vào năm 2019 bà P có hợp tác nuôi tôm sú với bà Tào Thị Đ, hay bên thỏa thuận bà P sẽ là người ra đất, giống hai người chia hai, thức ăn do bà Đ ra, sau khi thu hoạch tôm bị lỗ, do chị em không thể hiện giấy tờ nhưng bà Đ nói bị lỗ 27.500.000 đồng bà P vẫn đồng ý chia đôi ra thì mỗi người chịu 13.750.000 đồng nhưng phải trừ 03 bao thức ăn nhỏ là 1.200.000 đồng và 01 thùng thuốc Duka 08 chai mỗi chai 450.000 đồng $\times 8 = 3.600.000$ đồng; men vi sinh 6 bịch mỗi bịch 240.000 đồng $\times 6 = 1.440.000$ đồng; 04 chai trị gan đường ruột mỗi chai 230.000 đồng $\times 4 = 920.000$ đồng. Tổng cộng là 7.160.000 đồng yêu cầu trừ trong tổng số 27.500.000 đồng, còn lại 20.340.000 đồng bà P yêu cầu chia đôi nợ mỗi người 10.170.000 đồng. Đối với tiền mượn 10.750.000 đồng, tiền vay 24.000.000 đồng bà P không thừa nhận.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2022 (BL30) bà Đ và bà P thống nhất được với nhau là bà P còn nợ tiền hùn nuôi tôm sú của bà Đ là 10.170.000 đồng, bà P yêu cầu mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bà Đ không đồng ý nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại

phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác làm ăn”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền hùn nuôi tôm còn nợ 10.170.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quyết định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Tào Thị Đ và bị đơn bà Trương Thị P có hợp tác nuôi tôm. Trong quá trình hợp tác do nuôi tôm sú bị lỗ nên bà Đ khởi kiện buộc bà P phải trả tiền cho bà P do nuôi tôm bị lỗ. Đối với tiền mượn và tiền vay bà Đ xin thay đổi lại yêu cầu là không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác làm ăn” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Tào Thị Đ và bị đơn bà Trương Thị P là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại ấp L, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự đã xác định được như sau:

[3.1] Xét về quá trình hợp tác hùn nuôi tôm sú với nhau: Bà Trương Thị P là chị em cô cậu với bà Tào Thị Đ, gia đình bà P có đất nuôi tôm nhưng không có vốn nên có thỏa thuận hợp tác với bà Đ để nuôi tôm, bà Đ ra tiền, bà P thì có đất. Sau khi thu hoạch, trừ chi phí xong, lợi nhuận chia đôi. Bà Đ và bà P hợp tác nuôi tôm từ năm 2019 việc hợp tác nuôi tôm chỉ bằng lời nói không có làm hợp đồng. Sau 01 năm hợp tác (năm 2019) cuối vụ tôm bị chết, bị lỗ 27.500.000 đồng, mỗi người chịu một nửa, nhưng phải trừ 03 bao thức ăn, 01 thùng thuốc Duka 08 chai; men vi sinh 6 bịch; 04 chai

trị gan đường ruột. Tổng cộng là 7.160.000 đồng yêu cầu trừ trong tổng số 27.500.000 đồng, còn lại 20.340.000 đồng bà P yêu cầu chia đôi nợ mỗi người 10.170.000 đồng được bà Đ và bà P thống nhất. Tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa án chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Đối với tiền nợ vay và tiền nợ mượn nguyên đơn bà Đ xin thay đổi lại yêu cầu là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tào Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Trương Thị P phải tiếp tục trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đối với lời trình bày của bị đơn yêu cầu mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nguyên đơn bà Đ không đồng ý, do đó lời trình bày của bà P không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vấn đề này sẽ được giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 504, khoản 2 Điều 512, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tào Thị Đ đối với bị đơn bà Trương Thị P.

Buộc bà Trương Thị P có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Tào Thị Đ số tiền còn nợ 10.170.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tào Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Trương Thị P phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị P phải chịu 508.500 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Tào Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm, bà Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.212.500 đồng (một triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004422 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng